

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT

Ngày 07-12-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân S sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương S:

- *Nguyên đơn:* Ông Triệu Văn H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Bị đơn:* Bà Ngọc Thị T, sinh năm 1941

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Vi Thị D1, sinh năm 1991, theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng; Đại diện: Ông Nông Văn R – Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Cao Bằng; Đại diện: Ông Thẩm Văn K – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H1, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Hạt kiểm lâm huyện H1, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có lý do

- Ngọc Văn D (hiện nay đang thụ án tại trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên); vắng mặt, có lý do.

- Ngọc Văn Kh

Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có lý do

Người làm chứng: Bà Ngọc Thị B; địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng.

- *Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.*

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Vi Thị D1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Triệu Văn H trình bày: Gia đình anh có 01 thửa đất số 145, thuộc tờ bản đồ số 2 với diện tích 45.826m², địa chỉ thửa đất có tên gọi núi Pác Còi thuộc bản Đa Trên, xã L. Thửa đất này tiếp giáp với thửa đất số 134, có diện tích là 13.020m² của gia đình bà Ngọc Thị T. năm 2001, gia đình anh H và gia đình bà T đều đã trồng cây thông trên phần đất của mình và đã đào rãnh mương nhỏ để xác định ranh giới giữa hai bên. Năm 2006 anh Triệu Văn C (anh trai anh H) là người kê khai phần diện tích đất này và được Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/2006. Năm 2007 anh C chết nên anh H là người được thừa kế khai thác cây thông vào tháng 4 năm 2021. Tháng 5 năm 2021 gia đình anh H tiếp tục trồng cây keo để thay thế trên phần diện tích cây thông đã khai thác thì xảy ra tranh chấp. S việc đã được ủy ban nhân dân xã L tiến hành xác minh tại thực địa và hòa giải với kết luận: “Qua xác minh, kiểm tra thực tế hiện trường và đối chiếu với bản đồ thì diện tích sử dụng có sai lệch với bản đồ địa chính khoảng 1.500m² và gia đình anh H đã trồng cây thông trên diện tích tranh chấp từ năm 2001 cho đến nay, gia đình chị D1 mới được cấp bìa đỏ năm 2006, có thể trong quá trình cấp bìa đỏ có sai về ranh giới, gia đình anh H không có hành vi lấn chiếm tranh chấp đất của gia đình chị Vi Thị D1”. Đồng

thời, xã đã cho hai bên gia đình thỏa thuận theo hướng: Chia đôi số đất đang tranh chấp, gia đình chị D1 sẽ trả tiền giống cây, công trồng đối với cây keo hoặc sử dụng diện tích đất theo GCNQSD đất đã cấp. Do hai bên không đồng ý với cách giải quyết này, nên anh H đã có đơn khởi kiện với yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích bộ phận diện tích đã có đơn khởi kiện với yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích khoảng 1.500m² mà gia đình đã quản lý, sử dụng từ năm 2001 và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H1 điều chỉnh lại sơ đồ cho đúng với diện tích thực tế đã sử dụng.

Người đại diện cho bị đơn, chị Vi Thị D1 trình bày: Phần đất đang tranh chấp theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2006 thì thửa đất này có số thửa 134 thuộc tờ bản đồ số 2, có diện tích 13.020m² là đất rừng phòng hộ, thửa đất có địa chỉ: Nga Riêng – Bản Đa Trên – Xã L – huyện H1 mà người đứng tên trong GCNQSD đất là ông Ngọc Văn I, bà Ngọc Thị T (bố mẹ chồng của chị D1) thửa đất này tiếp giáp với phần đất của gia đình anh H, hai bên có đào rãnh để xác định ranh giới. Chị D1 xác nhận trong phần đất đang tranh chấp có khoảng 900m² mà gia đình anh H đã trồng cây thông từ năm 2001, còn 600m² đất chưa trồng cây thông do anh H tự ý đào rãnh làm ranh giới và trồng cây keo, sau khi xã tiến hành xác minh vào tháng 7 năm 2021. Nay anh H khởi kiện, yêu cầu được sử dụng theo diện tích hiện trạng chị không đồng ý vì gia đình anh H không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc và đất của gia đình chị đã được Nhà nước cấp GCNQSD đất nên sơ đồ đất đến đâu thì gia đình chị sẽ sử dụng đến đó.

Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết, do các đương S không xác định được ranh giới tranh chấp nên cả hai bên cùng có yêu cầu Tòa án thẩm định tại chỗ. Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2021 thì anh H và chị D1 đã xác định phần đất mà gia đình anh H đã trồng cây, đã khai thác có hình dạng là 01 tam giác thường, có cạnh ở ranh giới giữa thửa 134 với thửa 145 có chiều dài 84,6m, 01 cạnh 73,5m, cạnh còn lại 61,1m. Tổng diện tích đất tranh chấp là 2.108m², toàn bộ diện tích đất trong tam giác này đã được anh H trồng cây keo từ tháng 5 năm 2021. Trong đó, 643m² được xác định là phần đất mới trồng, phần đất còn lại là trồng cây thông và đã khai thác vào tháng 4 năm 2021. Tại phiên thẩm định anh H chị D1 đã thống nhất phần diện tích đất và cây ở phần tam giác nhỏ phía Bắc có diện tích 115m² và phần tam giác ở phía Nam có diện tích 643m² cho gia đình chị D1 quản lý, sử dụng không đặt vấn đề phải thanh toán tiền giống cây và công trồng cây keo. Gia đình anh H được quản lý, sử dụng diện tích còn lại là 1.350m². Tuy nhiên khi thông qua biên bản chị D1 đã không nhất trí và yêu cầu được canh tác đúng theo sơ đồ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh H nhất trí theo kết quả, ranh giới mà Hội đồng thẩm định tại chỗ đã xác định.

Chị D1 cho rằng: Toàn bộ phần diện tích đang tranh chấp đều do chồng chị là anh Ngọc Văn D trồng cây thông, không có việc gia đình anh H trồng cây tại đó, rãnh mương mà 02 gia đình đã thiết I trước đây là để xác định về ranh giới đất giữa hai gia đình. Nay đất nhà nước đã cấp GCNQSD đất và có sơ đồ đến đâu thì gia đình sẽ quản lý, sử dụng đến đó. Đối với phần cây keo anh H mới trồng mới hiện nay thì anh H sẽ khai thác sau này, khai thác xong anh H phải trả lại đất theo sơ đồ mà Nhà Nước đã xác định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Có căn cứ để xác định gia đình anh H là người trực tiếp quản lý và trồng cây thông từ năm 2001 cho đến năm 2021 thì khai thác và trồng cây keo để thay thế. Số diện tích trồng thay thế được xác định là 1.350m², phần diện tích cây keo mới trồng là 643m². Tại thời điểm 2001 gia đình ông I bà T và gia đình anh H cùng trồng cây thông theo dự án vào cùng thời điểm nhưng không có ý kiến và đã thống nhất đào rãnh mương để xác định ranh giới. Năm 2006 cả hai gia đình đều được cấp GCNQSD đất và quản lý, khai thác cây vào năm 2021, sau khi khai thác và trồng cây keo mới xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa chị D1 không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cho gia đình anh H mượn đất, việc chị D1 cho rằng toàn bộ diện tích đất nằm trong thửa 143 đều do anh D trồng cây thông là không đúng với thực tế vì anh D đã đi tù từ năm 2014 nên không thể biết được vị trí tranh chấp và lời khai mà chị D1 thay đổi tại phiên tòa cũng không phù hợp với các biên bản xác minh, biên bản hiện trạng của xã và biên bản thẩm định tại chỗ. Mặt khác, tại biên bản xác minh với bà T, anh Ngọc Văn Tuyển (anh trai của anh D) đều xác định là gia đình anh H đã trồng lần cây thông vào thửa đất 134 khoảng hơn 1000m². Căn cứ vào thực tế trồng cây và sử dụng đất của các bên, đề nghị HĐXX công nhận phần đất mà anh H đã trồng cây, đã khai thác và trồng lại cây keo diện tích 1.350m² và ghi nhận việc anh H đã tự nguyện để lại cho chị D1 số cây đã trồng trên diện tích 758m². Đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉnh sửa lại diện tích và sơ đồ đất sau khi bản án có hiệu lực.

Tại bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Văn H về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Anh H được quản lý và sử dụng 1.350m² tại thửa đất số 134 mà người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Ngọc Văn I, bà Đàm Thị T. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H để lại số cây keo đã trồng cùng diện tích đất là 758m². Khi bản án có hiệu lực pháp luật anh H có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại sơ đồ thửa đất đúng với diện tích thực tế đã sử dụng.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H, bà T đã nộp mỗi người 2.000.000đ, số tiền này đã chi hết trong quá trình thẩm định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 8 năm 2022 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKSHL-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 với nội dung: Kháng nghị đối với bản án số 09 ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn, công nhận ranh giới giữa 02 thửa đất liền kề đã được Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp cho 02 hộ gia đình từ năm 2006 là đúng pháp luật và phù hợp với thực tế (Kết luận của Hội đồng hòa giải Ủy ban nhân dân xã L cũng thống nhất thực hiện theo GCNQSD đất).

Sau khi xét xử sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Vi Thị D1 ngày 22 tháng 8 năm 2022 có đơn kháng cáo Toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: rút kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Vi Thị D1 trình bày ý kiến: Tại bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang thu thập, đánh giá chứng cứ không khách quan, ghi nhận sự việc không đúng, không có căn cứ. Thực tế tôi không hề thống nhất bất kỳ một việc gì với ông H như bản án đã nêu. Tòa án H1 cho rằng năm 2001 trên diện tích đất tranh chấp anh H đã trồng toàn bộ cây thông là không đúng. Thực tế năm 2001 cây thông trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp là do nhà chồng tôi trồng, trong đó có chồng tôi Ngọc

Văn D được trực tiếp trồng. Năm 2020 gia đình tôi khai thác cây, bản thân tôi cũng là người trực tiếp giám sát việc khai thác cây. Toàn bộ quá trình quản lý, sử dụng từ trước năm 2001 đến trước tháng 5 năm 2001 của gia đình tôi là hoàn toàn ổn định, không có tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách đương S tham gia tố tụng không đầy đủ. Cụ thể tại thời điểm được cấp GCNQSD đất hộ gia đình chồng tôi gồm có: Bố chồng Ngọc Văn I, sinh năm 1942 (đã chết), mẹ chồng Ngọc Thị T, sinh năm 1941; chồng tôi Ngọc Văn D, em chồng Ngọc Văn Kh, sinh năm 1984, từ khi bố chồng tôi chết cho đến nay gia đình tôi chưa làm thủ tục phân chia di sản, quyền sử dụng đất thừa đất đang tranh chấp vẫn thuộc quyền quản lý chung của hộ gia đình, tòa án không xác định Ngọc Văn D và Ngọc Văn Kh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đầy đủ. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định pháp luật không phù hợp, đất tranh chấp đã được cấp GCNQSD đất cho gia đình tôi nhưng vẫn áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 không phù hợp, phân định mốc giới theo Điều 175, 176 là không chính xác vì không có S thỏa thuận thống nhất về ranh giới giữa hai gia đình, con mương là do ông H tự đào từ tháng 5 năm 2021 theo S chỉ dẫn của ông Huân (địa chính xã L) mà không có S đo đạc. Cấp sơ thẩm không giải thích cho tôi về quyền được trợ giúp pháp lý dẫn đến làm mất quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi vì mẹ chồng tôi là bà Ngọc Thị T là người cao tuổi. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có ý kiến: Nhất trí bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện H1, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương S đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân S tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H1 không có căn cứ do đó tại phiên tòa rút yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H1, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Vi Thị D1 không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân S giữ nguyên bản án dân S sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Diện tích đất có tranh chấp thuộc xóm Đ, xã L, huyện H1, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Triệu Văn H khởi kiện yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định thiếu những người tham gia tố tụng là các thành viên trong gia đình bà Ngọc Thị T gồm: Ngọc Văn D, Ngọc Văn Kh, không đưa Ủy ban nhân dân xã L, Ủy ban nhân dân huyện H1 và Hạt kiểm lâm huyện H1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã khắc phục bằng cách ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện H1 thu thập lời khai, tài liệu của những người liên quan đã nêu ở trên và đưa vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa đã rút kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Do vậy HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

[5] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn Vi Thị D1:

Về nội dung kháng cáo tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng là anh Ngọc Văn D và anh Ngọc Văn Kh thì tại cấp phúc thẩm đã khắc phục được, đã lấy lời khai của anh Ngọc Văn D và anh Ngọc Văn Kh và xác minh ý kiến của người làm chứng Ngọc Thị B có đất giáp ranh với đất tranh chấp.

Phần đất tranh chấp giữa anh Triệu Văn H và bà Ngọc Thị T nằm trong thửa số 134, thuộc tờ bản đồ số 02 có tổng diện tích 13.020m², có địa chỉ: Nga Riêng – Bản Đa Trên – xã L là đất rừng phòng hộ, nay được xác định là đất rừng sản xuất theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/5/2015 của Ủy ban nhân

dân huyện H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Ngọc Văn I và bà Ngọc Thị T.

Về nguồn gốc đất: Theo biên bản xác minh với công chức địa chính xã L ông Nông Văn Hùng cho biết: khu đất tranh chấp khi còn hợp tác xã là do hợp tác xã quản lý, sau khi tan hợp tác xã thì các hộ gia đình tự khai hoang và trồng cây từ năm 2001.

Về quá trình quản lý, sử dụng: Anh Triệu Văn H trình bày từ năm 2001 gia đình anh H đã trồng cây thông trên phần đất tranh chấp và đến năm 2020 khai thác thông. Điều này phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2021 như sau: diện tích đất tranh chấp tổng cộng 2.108m², trong đó có 1.350m² được xác định là đất do gia đình anh H đã trồng cây thông từ năm 2001 (hiện nay vẫn còn những gốc cây thông vừa khai thác năm 2020) và đã trồng cây keo thay thế vào năm 2021, còn 758m² là phần đất anh H mới trồng cây keo (phần đất này không có gốc keo cũ đã khai thác). Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 01/12/2022 thì phần đất tranh chấp có hai phần khác nhau: phần đất có nhiều gốc cây thông đã khai thác có mốc giới là mương cũ theo anh H là đào từ năm 2001, còn theo chị D1 là mương đã đào từ lâu nhưng không rõ năm nào, đối chiếu trên trích đo sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất này có diện tích 1350m². Phần đất không có gốc cây thông đã khai thác hiện nay đã trồng cây keo mới và có ranh giới là rãnh mương mới đào có diện tích 758m² gồm 02 phần: 01 phần có diện tích 115m² và 01 phần có diện tích 548,4m².

Gia đình anh Triệu Văn H (trước đây là anh Triệu Văn C) và gia đình bà Ngọc Thị T canh tác trồng cây thông từ năm 2001 theo ranh giới mà mương đào cũ như đã xác định ở trên không xảy ra tranh chấp, đến năm 2004 mới làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2006 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai gia đình anh C và bà T vẫn quản lý, sử dụng theo ranh giới cũ từ năm 2001 không có tranh chấp. Đến năm 2021 sau khi hai gia đình đã khai thác cây thông và trồng cây keo thay thế mới có tranh chấp.

Do vậy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Văn H. Anh Triệu Văn H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.350m² nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, bà Ngọc Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 758m² nằm trong thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20 theo sơ đồ trích đo kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2021. Ghi nhận S tự nguyện của anh H để lại toàn bộ số cây trồng trên diện tích 758m² cho bà Ngọc Thị T.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, tranh tụng tại tòa như đã nhận định ở trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 1030/2022/QĐ-SCBA ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Ngọc Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngọc Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 1030/2022/QĐ-SCBA ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Bà Ngọc Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002264 ngày 29/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện H1;
- TAND huyện H1;
- Các đương S;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Ngôn Ngọc Viên